TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HS-ST
Ngày 29 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khổng Mỹ Hạnh

Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm, Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở tổ 3, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn V, sinh ngày 21 tháng 01 năm 1995 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký HKTT: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình, nơi tạm trú: Tổ 01, thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn S, sinh năm 1959 và bà Đào Thị T, sinh năm 1962; có vợ là Đỗ Khánh L, sinh năm 1998; có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Có mặt

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1996 tại huyện B, tỉnh Hà Giang, nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 26/9/2019. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hà Thị T, sinh năm 1989, trú tại: thôn Đ, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978, trú tại: thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964, trú tại: thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

4. Ông Hoàng Trọng D, sinh năm 1991, trú tại: Thôn Đ, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

5. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1962, trú tại: thôn Đ, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

6. Bà Hoàng Thị Thảo B, sinh năm 1998, trú tại: thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

7. Bà Thàm Thị L, sinh năm 1973, trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

8. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1967, trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

9. Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1997, trú tại: thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

10. Ông Phùng Mạnh T, sinh năm 1963, trú tại: Tổ 3, thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

11. Ông Trần Quang L, sinh năm 1985, trú tại: thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

12.Ông Mạc Đình N, sinh năm 1994, trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

13. Bà Lê Thị H, sinh năm 1991. Nơi ĐKHKTT: Xã V, huyện B, cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

14. Ông Hà Anh T, sinh năm 1993, trú tại: thôn Đ, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

15. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1991, trú tại: thôn C, Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do.

16. Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1982, trú tại: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

17. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1991, trú tại: thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

18. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1965, trú tại: thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

19. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 trú tại: thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

20. Ông Lò Xuân Đ, sinh năm 1986, trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt không có lý do.

21. Bà Hoàng Ánh Q, sinh năm 1979, trú tại: Thôn B, Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

22. Ông Vàng Văn T, sinh năm 1982, trú tại: Xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt không có lý do.

23. Bà Đỗ Khánh L, sinh năm 1998, trú tại: Tổ 1, thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt có lý do.

24. Ông Hà Minh V, sinh năm 1996, trú tại: Xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

25. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1991, trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt không có lý do.

26. Ông Sầm Văn T, sinh năm 1996, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt không có lý do.

27. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1983, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt không có lý do.

28. Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1996, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt không có lý do.

29. Ông Hoàng Quang C, sinh năm 1994, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt không có lý do.

30. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1999, trú tại: Xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

31. Ông Hoàng Trọng V, sinh năm 1997, trú tại: Xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

32. Ông Sầm Văn T, sinh năm 1993, trú tại: Xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

33. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1996, trú tại: Xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

34. Ông Nghiêm Văn T, sinh năm 1993, trú tại: Xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

35. Bà Hoàng Thị T, trú tại: Thôn N, Xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

36. Ông Hoàng Xuân V, sinh năm 1973, trú tại: Xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

37. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

38. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1973, trú tại: Xã Ngọc Đường, thành phố H. Vắng mặt không có lý do.

39. Ông Tăng Văn Đ, trú tại: N - L - Y - Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

40. Ông Hà Văn T, trú tại: Thôn Q, Xã V, huyện B. Vắng mặt không có lý do.

41. Ông Lù Xuân D, sinh năm 2000; trú tại: Thôn H, xã S, huyện P, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt không có lý do.

42. Ông Hà Văn T, sinh năm 1992, trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do.

2.3. Người làm chứng:

1. Bà Đào Thị T, sinh năm 1962. Có mặt

2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1968, Có mặt

3. Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1987, Có mặt

4. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1969, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 45 phút ngày 17/7/2019, tại thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang, tổ công tác Công an tỉnh Hà Giang tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phan Văn V, sinh năm 1995, Nơi ĐKHKTT: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình, nơi tạm trú: thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang và Nguyễn Văn T, sinh năm 1996, trú tại Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang, đang thực hiện hành vi thu tiền lãi của Hà Văn T, sinh năm 1992, trú tại thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Vật chứng thu giữ tại quán cầm đồ gồm: Số tiền 1.020.000đ của Phan Văn V, số tiền 470.000đ của Hà Văn T; số tiền 5.010.000đ của Đỗ Ngọc T đã được cơ quan Công an niêm phong. Ngoài ra còn thu giữ các vật chứng khác gồm: 01 điện thoại IPHONE 5 và 01 điện thoại IPHONE 6S PLUS của Phan Văn V; 01 điện thoại IPHONE 6S của Nguyễn Văn T.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA của Hà Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL của Lù Xuân D; 01 túi sách giả da màu đen, nhãn hiệu MEIDIG kiểm tra bên trong túi có 01 chứng minh nhân dân mang tên Vàng Văn T và 01 giấy vay tiền đứng tên người vay là Vàng Văn T; 01 tờ giấy bán, cho, tặng, xe trên tờ giấy ghi tên chủ xe là Phan Văn V; 01 hợp đồng cầm đồ ngày 17/6/2019; 03 chiếc bút bi các loại; 01 bút xóa, ngoài ra Phan Văn V còn tự nguyện giao nộp những đồ vật, tài liệu có liên quan đến hành vi phạm tội đã được cơ quan Công an cho toàn bộ đồ vật, tài liệu vào 01 thùng bìa cát tông niêm phong theo quy định. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ, niêm phong vật chứng và đồ vật, tài liệu liên quan để điều tra theo quy định của pháp luật. Đồng thời cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang ban hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Văn V thu giữ 01 cây máy tính (CPU) màu đen, nhãn hiệu DELUX đã qua sử dụng; 01 Camera, hai râu, màu trắng, phía sau có chữ: IP:16197199, password: 123, AQC2 1810K và V tự nguyện giao nộp: 01 xe máy AirBlade, màu đen, BKS 23B1-44706 đã qua sử

dụng, trong cốp xe có 02 (hai) chiếc gậy rút ba khúc bằng kim loại và 01 (một) túi giả da màu nâu có hoa văn và chữ VL không kiểm tra bên trong túi.

Ngày 26/7/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã quyết định khởi tố vụ án hình sự, căn cứ quy định của pháp luật ngày 31/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang quyết định chuyển vụ án hình sự để điều tra theo thẩm quyền đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Phan Văn V khai nhận: Từ tháng 7/2018 Phan Văn V bắt đầu hoạt động cho vay lãi nặng và mở hiệu cầm đồ kinh doanh cho vay cầm đồ tại thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang và tại nhà của Nguyễn Văn T, địa chỉ Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Phan Văn V đã thực hiện hành vi nhiều lần, cho nhiều người vay tiền để thu lãi suất cao thu lợi bất chính, với mức lãi suất thỏa thuận từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng/một triệu đồng/một ngày, thời hạn thu tiền lãi định kỳ 10 ngày thu lãi một lần. Người vay không thế chấp, cầm cố tài sản, một số trường hợp để lại chứng minh thư nhân dân, giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu để làm tin. Người vay ký, ghi họ tên vào các loại giấy tờ: giấy vay tiền, giấy bán cho tặng xe, giấy mượn xe, hợp đồng cầm đồ. Các giấy tờ trên chỉ thể hiện tên người vay, số tiền vay, không thể hiện thời hạn vay, lãi suất vay để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Để quản lý nguồn vốn, nguồn thu, danh sách người vay tiền, thời gian vay, số tiền vay, lãi suất cho vay, thời gian thu lãi suất, số tiền lãi đã thu và các hoạt động cho vay, Phan Văn V đã mở 04 (bốn) sổ theo dõi thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2019. Nguyễn Văn T là người giúp sức cho Phan Văn V thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Do T là người ở địa phương có nhiều mối quan hệ xã hội, nên V đã đề nghị và được T đồng ý cùng hoạt động cho vay lãi nặng và đặt địa điểm cho vay tại nhà của T tại thôn T, xã V. Khi có khách đến hỏi vay tiền, T thông báo với V, cung cấp thông tin của người vay cho V, cùng V thỏa thuận, thống nhất về số tiền cho vay, lãi suất vay. T trực tiếp làm thủ tục cho người vay ký vào các loại giấy tờ và trực tiếp thu lãi suất đối với 07 người vay/08 lượt giao dịch. Phan Văn V và Nguyễn Văn T cùng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với 07 người vay/08 lượt giao dịch, số tiền vay từ 1.000.000 đồng đến 44.000.000 đồng, với lãi suất cho vay từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng/1 triệu đồng/một ngày, thời hạn vay không xác định, thu lãi theo thời hạn 10 ngày/01 lần. Ngoài ra, Phan Văn V một mình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với 14 cá nhân/26 lượt giao dịch, số tiền vay từ 5.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng, với lãi suất cho vay từ 5.000 đồng đến 7.000 đồng/1 triệu đồng/một ngày, thời hạn vay không xác định, thu lãi theo thời hạn 10 ngày/01 lần.

Căn cứ Công văn số 793/HAG-TH ngày 24/7/2019 và công văn số 803/HAG-TH ngày 26/7/2019 của cơ quan chuyên môn là Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Giang (BL96-97) trong việc phối hợp xác định tiền lãi và số tiền thu lợi bất chính đã xác định cụ thể:

** Trong thời gian từ ngày 01/02/2019 đến ngày 24/7/2019 Phan Văn V và Nguyễn Văn T đã cho 07 người vay tiền/08 lượt vay, với lãi suất từ 5000đ đến 10.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại*

khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) gấp từ 9,1 đến 18,25 lần, gồm những người sau:

1. Bà Nguyễn Thị H vay số tiền 44.000.0000 đồng trong thời gian từ ngày 06/02/2019 đến ngày 27/5/2019 với mức lãi suất 7.000đ/1triệu đồng/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 32.260.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 2.652.055 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 29.607.945 đồng, chưa trả tiền gốc.

2. Bà Nguyễn Thị T vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 11/02/2019 đến ngày 24/7/2019 với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 11.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 893.151 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 10.106.849 đồng, chưa trả tiền gốc.

3. Bà Hoàng Thị Thảo B vay số tiền 8.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 25/01/2019 đến ngày 21/5/2019 với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 5.260.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 486.575 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 4.773.425 đồng, chưa trả tiền gốc,

4. Bà Hoàng Thị H vay số tiền 1.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 02/02/2019 đến ngày 24/6/2019 với mức lãi suất 10.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 1.500.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 77.808 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 1.422.192 đồng, chưa trả tiền gốc.

5. Ông Trần Quang L vay 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó lần 01 vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 08/02/2019 đến ngày 19/5/2019, lần 02 vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 04/3/2019 đến ngày 22/5/2019, lần 3 cộng tổng số tiền gốc 02 lần vay là 10.000.000đ từ ngày 19/5/2019 đến ngày 18/7/2019, với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả của 03 lần vay là 10.500.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 819.178 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 9.680.822 đồng, chưa trả tiền gốc.

6. Ông Lò Xuân Đ vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 15/6/2019 đến ngày 14/7/2019 với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 1.050.000đ đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 79.452 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 970.548 đồng, đã trả hết tiền gốc.

7. Bà Hoàng Ánh Q vay số tiền 12.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 31/01/2019 đến ngày 25/02/2019 với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 1.500.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 164.384 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 1.335.616 đồng, chưa trả tiền gốc.

****** Trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến ngày 24/7/2019 Phan Văn V một mình thực hiện giao dịch dân sự cho 14 người vay tiền/26 lượt vay, với lãi suất từ 5000đ đến 7.000đ/1 triệu/1 ngày. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định*

tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) gấp từ 9,1 đến 12, 7 lần, gồm những người sau:

1. Bà Hà Thị T vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 06/02/2019 đến ngày 16/7/2017 với mức lãi suất 7000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 21.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.753.425 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 19.246.575 đồng, chưa trả tiền gốc.

2. Anh Hoàng Trọng D vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 18/01/2019 đến ngày 20/4/2019 với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.008.219 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 7.991.781 đồng, số tiền gốc đã trả là 4.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả là 16.000.000 đồng.

3. Bà Hoàng Thị X vay 02 lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng (trong đó, lần 1 vay 5.000.000 đồng thời gian từ ngày 03/02/2019 đến ngày 23/02/2019, lần 2 bà Xe nhận trả số tiền gốc và lãi của Nguyễn Hồng Sơn vay 10.000.000đ cộng với tiền gốc đã vay của lần 1, số tiền bà Xe vay từ ngày 23/02/2019 đến ngày 03/7/2019 là 15.000.000đ) với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 14.750.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.123.288 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 13.626.712 đồng, chưa trả tiền gốc.

4. Bà Thàm Thị L vay số tiền là 10.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 31/01/2019 đến ngày 18/7/2019 với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 8.500.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 920.548 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 7.579.452 đồng, chưa trả gốc.

5. Ông Đỗ Ngọc T vay 03 lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Trong đó lần 1 vay số tiền 30.000.000đ từ ngày 02/03/2019 đến ngày 12/5/2019, lần 02 vay số tiền 15.000.000đ từ ngày 08/3/2019 đến 28/4/2019 (đã trả gốc 10.0000đ còn nợ tiền gốc là 5.000.000đ từ ngày 28/4/2019 đến 08/5/2019), lần 03 vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 20/3/2019 đến 10/5/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 17.250.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.753.424 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 15.496.576 đồng, đã trả hết số tiền gốc.

6. Ông Phùng Mạnh T vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 02/02/2019 đến ngày 13/7/2019 với mức lãi suất 6.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, số tiền lãi đã trả là 9.600.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 882.192 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 8.717.808 đồng, chưa trả gốc.

7. Ông Mạc Đình N vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 13/02/2019 đến ngày 14/4/2019 với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 6.300.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 493.151 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 5.806.849 đồng, đã trả hết tiền gốc.

8. Bà Lê Thị H vay 02 lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, trong đó lần 01 vay số tiền 67.000.000đ từ ngày 15/01/2019 đến 16/5/2019, lần 02 vay thêm 3.000.000đ từ ngày 26/5/2019 đến ngày 15/7/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 52.900.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 6.743.562 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 46.156.438 đồng, đã trả hết tiền gốc.

9. Ông Hà Anh T vay 02 lần với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó lần 01 vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 27/02/2019 đến ngày 18/4/2019, lần 02 vay thêm 1.000.000đ từ ngày 18/4/2019 đến ngày 17/6/2019, với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 4.120.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 334.246 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 3.785.754 đồng, đã trả hết tiền gốc.

10. Ông Hoàng Văn H vay số tiền 4.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 07/3/2019 đến ngày 27/3/2019 với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 560.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 43.836 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 516.164 đồng, chưa trả tiền gốc.

11. Ông Hoàng Văn V vay số tiền 6.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 31/3/2019 đến ngày 09/4/2019 với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả là 420.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 29.589 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 390.411 đồng, chưa trả tiền gốc.

12. Ông Nguyễn Quang T vay 03 lần với tổng số tiền là 13.000.000 đồng. Trong đó lần 01 vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 30/4/2019 đến ngày 09/5/2019, lần 02 vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 13/5/2019 đến ngày 21/7/2019, lần 03 vay số tiền 3.000.000đ từ ngày 22/5/2019 đến ngày 21/7/2019, với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả của 03 lần vay là 3.960.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 312.329 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 3.647.671 đồng, số tiền gốc đã trả là 5.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả là 8.000.000 đồng.

13. Ông Nguyễn Hữu N vay 04 lần với tổng số tiền là 25.000.000 đồng. Trong đó lần 01 vay số tiền 10.000.000đ từ ngày 08/5/2019 đến ngày 26/7/2019, lần 02 vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 15/5/2019 đến ngày 25/5/2019, lần 03 vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 04/7/2019 đến ngày 23/7/2019, lần 04 vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 16/7/2019 đến ngày 25/7/2019 với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả của 04 lần vay là 5.050.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 536.987 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 4.513.013 đồng, số tiền gốc đã trả là 5.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả là 20.000.000 đồng.

14. Ông Nguyễn Văn T vay 03 lần với tổng số tiền là 50.000.000đ. Trong lần 01 vay số tiền 20.000.000đ từ ngày 30/01/2019 đến ngày 30/4/2019, lần 02 vay số tiền 10.000.000đ từ ngày 01/3/2019 đến ngày 30/4/2019, lần 03 vay số tiền 20.000.000đ từ ngày 10/5/2019 đến ngày 19/7/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tổng số tiền lãi đã trả của 03 lần vay là 18.450.000

đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 2.082.191 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 16.367.809 đồng, số tiền gốc đã trả là 30.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả là 20.000.000 đồng.

Ngày 10/8/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ra quyết định trưng cầu giám định số 153, trưng cầu Phòng PC09 Công an tỉnh Hà Giang giám định tổng số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) đã thu giữ của các đối tượng Phan Văn V, Hà Văn T và Đỗ Ngọc T trong vụ án là tiền thật hay tiền giả. Tại Kết luận giám định số: 288/KL-PC09 ngày 15/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã kết luận: Số tiền Việt Nam gửi giám định là tiền thật (*Có bảng kê mệnh giá tiền và số seri kèm theo bút lục 102*).

Ngày 10/10/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ra quyết định trưng cầu giám định số 191, trưng cầu Phòng PC09 Công an tỉnh Hà Giang giám định: Chữ V, chữ ký trên giấy vay tiền; giấy bán, cho, tặng xe; hợp đồng cầm đồ; giấy mượn xe là vật chứng thu giữ khi bắt của tang Phan Văn V. Tại Kết luận giám định số: 346/KL-PC09 ngày 18/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã kết luận:

- Chữ V, chữ ký đứng tên những người gồm Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Quang T, Thàm Thị L, Lê Thị H, Phùng Mạnh T, Trần Quang L, Hà Thị Thúy, Hoàng Thị Thảo B, Nguyễn Hữu N, Hà Anh T, Nguyễn Thị H là do những người đó V và ký ra.

- Chữ V, chữ ký đứng tên Hoàng Thị X, Hoàng Văn V, Hoàng Thị H không đủ cơ sở để kết luận chữ V, chữ ký do ít đặc điểm để giám định truy nguyên.

- Ngoài ra còn kết luận giám định chữ V và chữ ký Nguyễn Văn D, Đinh Văn Hùng nhưng không liên quan đến những người các bị cáo cho vay trong quá trình điều tra, truy tố.

Căn cứ kết quả điều tra xác định hành vi cho vay lãi nặngdo Phan Văn V cùng Nguyễn Văn T thực hiện là 07 người vay, gồm các ông bà: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Hoàng Thị Thảo B, Hoàng Thị H, Trần Quang L, Lò Xuân Đ và Hoàng Ánh Q, với tổng số tiền gốc cho vay là: 90.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã thu được là 63.070.000đ. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định của pháp luật đã thu là 5.172.603đ; Số tiền lãi thu lời bất chính là 57.897.397đ. Tổng số tiền gốc người vay đã trả là 5.000.000đ. Tổng số tiền gốc người vay chưa trả là 85.000.000đ. Ngoài ra, bị cáo Phan Văn V một mình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng là 14 người vay gồm các ông, bà: Hà Thị Thúy, Hoàng Trung Dũng, Hoàng Thị X, Thàm Thị L, Đỗ Ngọc T, Phùng Mạnh T, Mạc Đình N, Lê Thị H, Hà Anh T, Hoàng Văn H, Hoàng Văn V, Nguyễn Quang T, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn T, với tổng số tiền gốc cho vay là 314.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu được là 171.860.000 đồng. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định của pháp luật đã thu là 18.016.987 đồng; Số tiền lãi thu lời bất chính là 153.843.013 đồng. Tổng số tiền gốc người vay đã trả là 185.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc người vay chưa trả là 129.000.000 đồng.

Còn lại các lượt vay được thể hiện trong sổ ghi chép của Phan Văn V, do thiếu thông tin về danh tính, địa chỉ nên Cơ quan điều tra đã đăng Thông báo truy tìm người vay trong vụ án cho vay lãi nặng gửi Đài truyền hình tỉnh Hà Giang phát bản tin, đồng thời gửi Công an các xã, thị trấn của huyện Bắc Quang, thông báo công khai để nhân dân và người người vay biết, tố giác tội phạm, phối hợp điều tra làm rõ vụ án. Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra không có người nào liên hệ Cơ quan điều tra để tố giác hành vi phạm tội của các bị can, phối hợp giải quyết vụ án. Đối với một số cá nhân có tên tuổi, địa chỉ cụ thể nhưng quá trình điều tra xác minh không có mặt ở địa phương, do đó cơ quan điều tra không lấy được lời khai, làm rõ nội dung vụ việc nên cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ hành vi cho vay lãi nặng trong vụ án khác.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 54/CT-VKSBQ ngày 12/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Phan Văn V về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự và Nguyễn Văn T về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Phan Văn V, Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Phan Văn V và Nguyễn Văn T về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*

* Về điều luật và hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50, 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn V từ 08 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 17/7/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 36, 17, 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 01 năm Cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự. Do các bị cáo lao động tự do và không có thu nhập ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T.

Ngoài ra, các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) túi sách giả da màu đen, nhãn hiệu MEIDIGE; 01 (một) túi giả da màu nâu có hoa văn và chữ VL; 01 (một) ví giả da màu đen có gắn 01 tấm kim loại có dòng chữ Arsenal; 03 (ba) bút bi các loại; 01 (một) bút xóa; 02 (hai) chiếc gậy rút ba khúc; 04 (bốn) quyển sổ các loại bên

trong những trang giấy không ghi chữ, số hay ký tự gì; 04 (bốn) mẫu hợp đồng cầm đồ, 02 *(hai)* giấy vay tiền, 02 giấy mượn xe; 02 giấy bán, cho, tặng xe chưa điền đầy đủ nội dung, chưa ký; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu, chủ hộ là Hoàng Thị N, sinh năm 1963, trú tại thôn T, Xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu số 640212141 của Hoàng Thị T, sinh năm 1976, trú tại thôn 10, Xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu số 640002640 mang tên Lý Văn H, sinh năm 1975, trú tại thôn 10, Xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu số 90 của Đỗ Hải H, sinh năm 1988, cư trú tại Thôn B, Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân số 061055255 mang tên Lý Tuấn A; 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân số 073195621 mang tên Đỗ Hải H;

- Trả lại các giấy tờ gồm 21 chứng minh thư nhân dân; giấy đăng ký xe mô tô, xe máy; giấy phép lái xe; sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người đứng tên chủ sở hữu. Trả lại ông Hà Văn T, trú tại thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA. Trả lại Lù Xuân D, trú tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Giang 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL. Trả lại ông Đỗ Ngọc T trú tại: thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 5.010.000 đồng *(Năm triệu không trăm mười nghìn đồng).*

- Tạm giữ các tài sản của các chủ sở hữu sau đây để đảm bảo cho việc thi hành án gồm: 01 *(một)* cây máy tính (CPU) màu đen, nhãn hiệu DELUX đã qua sử dụng và 01 *(một)* Camera, hai râu, màu trắng, phía sau có chữ: ID:16197199, password: 123, AQC2 1810R và 1.020.000 đồng *(một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)* của Phan Văn V; 470.000 đồng *(Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)* của Hoàng Thị Thảo B; 01 *(một)* điện thoại IPHONE 6S của bị cáo Nguyễn Văn T.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng và biên lai thu tiền số 03550, giữa cơ quan Công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 27/11/2019.

* Buộc bị cáo Phan Văn V phải nộp số tiền là 178.189.590 đồng *(Một trăm bảy mươi tám triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước;

- Buộc Nguyễn Văn T phải nộp số tiền là 35.000.000 đồng *(ba mươi lăm triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

* Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền gốc chưa trả đủ cho bị cáo là 214.000.000 đồng *(Hai trăm mười bốn triệu đồng),* để sung vào ngân sách nhà nước.

* Buộc bị cáo Phan Văn V phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền thu lời bất chính là là 211.740.410 đồng *(Hai trăm mười một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm mười đồng)*.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Các bị cáo lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để trở thành công dân tốt trong xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng trước đó họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt, còn một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và một nhân chứng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên và xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Phan Văn V, Nguyễn Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra và phù hợp với lời khai của những người vay tiền và các tài liệu như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 17/7/2019; biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ ngày 17/7/2019; Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 18/7/2019; 09/8/2019 và 18/8/2019; các loại sổ sách theo dõi và giấy tờ vay tiền; Kết luận giám định số 288/KL-PC09 ngày 15/8/2019 và Kết luận giám định số: 346/KL-PC09 ngày 18/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang cùng tài liệu khác có trong hồ sơ đã đủ cơ sở để xác định: Trong năm 2019 Phan Văn V và Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với 07 trường hợp/08 lượt vay, với tổng số tiền gốc là 90.000.000 đồng để thu tiền lãi suất cao từ 182,5% đến 365%/năm, vượt mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định (20%/năm) gấp từ 9,1 đến 18,2 lần, đã thu lời bất chính là 57.897.397 đồng. Ngoài ra, Phan Văn V còn tự mình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng riêng đối với 14 trường hợp/26 lượt vay, với tổng số tiền gốc cho vay là 314.000.000 đồng để thu tiền lãi suất cao từ 182,5% đến 255,5%/năm, vượt mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định (20%/năm) gấp từ 9,1 đến 12,7 lần, đã thu lời bất chính là 153.843.013 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố Phan Văn V về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự và Nguyễn Văn T về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại

khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại Điều 201 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội:

Hành vi phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính và làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự phân công, câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong vụ án này Phan Văn V là người rủ Nguyễn Văn T cùng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, số tiền hai bị cáo thu lời bất chính của 07 người vay là **57.897.397 đồng** *(Năm mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng)* với lãi suất gấp từ 9,1 đến 18,2 lần. Còn số tiền thu lời bất chính của riêng Phan Văn V với 14 người vay là **153.843.013 đồng** *(Một trăm năm mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm mười ba đồng)*, nên trong vụ án này Phan Văn V phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Còn Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi Cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, các bị cáo đã thực hiện cho vay lãi nặng nhằm thu lời bất chính, do đó cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và để phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này ra các bị cáo luôn chấp hành

tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng tại phiên tòa đối với các bị cáo trong vụ án là phù hợp, cần cách ly bị cáo Phan Văn V ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội và áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Văn T theo quy định của Điều luật. Tuy nhiên, khi áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo cũng cần xem xét các các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ phần nào mức án để thể hiện sự khoan hồng của nhà nước. Ngoài ra, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo T do không có thu nhập ổn định

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 201 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tuy nhiên trong vụ án này các bị cáo đều là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, các bị cáo còn bị truy thu một số tiền liên quan đến hành vi phạm tội. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Đối với các lượt vay được thể hiện trong sổ ghi chép của Phan Văn V, do thiếu thông tin về danh tính, địa chỉ nên Cơ quan điều tra đã đăng Thông báo truy tìm người vay trong vụ án cho vay lãi nặng gửi Đài truyền hình tỉnh Hà Giang phát bản tin, đồng thời gửi Công an các xã, thị trấn của huyện Bắc Quang, thông báo công khai để nhân dân và người người vay biết, tố giác tội phạm, phối hợp điều tra làm rõ vụ án. Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra không có người nào liên hệ Cơ quan điều tra để tố giác hành vi phạm tội. Ngoài ra, còn một số cá nhân có tên tuổi, địa chỉ cụ thể nhưng quá trình điều tra xác minh không có mặt ở địa phương, do đó cơ quan điều tra không lấy được lời khai, làm rõ nội dung vụ việc nên cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ hành vi cho vay lãi nặng trong vụ án khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Trên cơ sở những vật chứng cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang đã thu giữ trong vụ án, Hội đồng xét xử xác định như sau:

[6.1] Đối với 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen, BKS 23B1-44706 đã qua sử dụng mà bị cáo Phan Văn V thu nợ của chị Nguyễn Thị H, quá trình điều tra đã xác định xe máy mang tên chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn D (chồng của chị Nguyễn Thị H) nên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19/8/2019. Xét thấy việc trả lại tài sản là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Đối với những vật cứng còn lại cần căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 46, 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử lý như sau:

* 01 *(một)* điện thoại IPHONE 5 và 01 *(một)* điện thoại IPHONE 6S PLUS của Phan Văn V là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

* 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA của Hà Văn T và 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL của Lù Xuân D, xét thấy đây là tài sản Hà Văn T và Lù Xuân D không liên quan đến vụ án này nên cần trả lại điện thoại cho các chủ sở hữu.

* 01 *(một)* túi sách giả da màu đen, nhãn hiệu MEIDIGE; 01 *(một)* túi giả da màu nâu có hoa văn và chữ VL; 01 (*một*) ví giả da màu đen có gắn 01 tấm kim loại có dòng chữ Arsenal; 03 *(ba)* bút bi các loại; 01 *(một)* bút xóa; 02 *(hai)* chiếc gậy rút ba khúc; 04 *(bốn)* quyển sổ các loại bên trong những trang giấy không ghi chữ, số hay ký tự gì; 04 (bốn) mẫu hợp đồng cầm đồ, 02 *(hai)* giấy vay tiền, 02 giấy mượn xe; 02 giấy bán, cho, tặng xe chưa điền đầy đủ nội dung, chưa ký; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu, chủ hộ là Hoàng Thị N, sinh năm 1963, trú tại thôn Vĩnh Đông, Xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu số 640212141 của Hoàng Thị T, sinh năm 1976, trú tại thôn 10, Xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu số 640002640 mang tên Lý Văn H, sinh năm 1975, trú tại thôn 10, Xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu số 90 của Đỗ Hải H, sinh năm 1988, cư trú tại Thôn B, Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân số 061055255 mang tên Lý Tuấn A; 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân số 073195621 mang tên Đỗ Hải H, là những vật chứng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy.

* Đối với các giấy tờ gồm 21 chứng minh thư nhân dân; giấy đăng ký xe mô tô, xe máy; giấy phép lái xe; sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan điều tra thu giữ trong vụ án, Hội đồng xét xử xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các chủ sở hữu gồm:

- Chứng minh thư nhân dân số 073241927 mang tên Vàng Văn T, sinh năm 1982, trú tại: Xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 073469749 mang tên Đỗ Khánh L, sinh năm 1998, trú tại: thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 073475949 mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1996, trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 061132349 tên Hà Minh V, sinh năm 1996, trú tại: Xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Chứng minh thư nhân dân số 073247699 tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1991, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 073247662 của Nguyễn Quang T, sinh năm 1991, trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 073382840 của Nguyễn Thị T, sinh năm 1964, trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 073438616 của Sằm Văn T, sinh năm 1996, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 073195642 của Bùi Văn C, sinh năm 1983, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân không rõ số của Thàm Thị L, sinh năm 1973, HKTT tại: xã V, huyện B, Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 073149166 của Trần Quang L, sinh năm 1985, trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 073467655 của Đỗ Thanh T, sinh năm 1996, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 073375034 của Hoàng Quang C, sinh năm 1994, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số

073248052 của Hoàng Văn H, sinh năm 1991, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân không rõ số của Lê Thị H, sinh năm 1991, HKTT tại xã V, huyện B, Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 073202667 của Hoàng Văn V, sinh năm 1982, trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chứng minh thư nhân dân số 061090647 của Phạm Văn C, sinh năm 1999, trú tại: Xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Chứng minh thư nhân dân số 061038520 của Hoàng Trọng V, sinh năm 1997, trú tại: Xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái; Chứng minh thư nhân dân số 060948356 của Sầm Văn T, sinh năm 1993, trú tại: Xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; Chứng minh thư nhân dân, số 061070126, của Nguyễn Văn T, sinh năm 1996, trú tại: Xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Chứng minh thư nhân dân không rõ số của Nghiêm Văn T, sinh năm 1993, trú tại Xã M, huyện L.

- Giấy phép lái xe số 250198003666 mang tên Phan Văn V, sinh năm 1995, tạm trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Giấy phép lái xe số 250198003666 mang tên Phan Văn V, sinh năm 1995, tạm trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Giấy phép lái xe, số 240173013807 của Nghiêm Văn T, sinh năm 1993, trú tại: Xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái;

- Đăng ký xe mô tô số: 019002, mang tên Phan Văn V, sinh năm: 1995, tạm trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Đăng ký xe mô tô, xe máy số 012399 của Hoàng Thị T, trú tại: Thôn N, Xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; Đăng ký xe mô tô, xe máy số 001062 của Hoàng Xuân V, sinh năm 1973, trú tại: Xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; Đăng ký xe mô tô, xe máy số 002851 của Nguyễn Văn L, sinh năm 1954, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Đăng ký xe mô tô, xe máy số 0013654 của Đặng Văn T, sinh năm 1973, trú tại: N, thị xã H, tỉnh Hà Giang; Đăng ký xe mô tô, xe máy số 000735 của Tăng Văn Đ, trú tại: Thôn N, xã L, huyện Y, Yên Bái; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C 306517 của Hà Văn T, trú tại: Thôn Q, Xã V, huyện B; Giấy ủy nhiệm ngày 10/8/2000 của Hà Văn T, trú tại: Thôn Q, Xã V, huyện B;

- Sổ hộ khẩu số 220060066 của Hoàng Văn V, sinh năm 1982, trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang

* Đối với 01 *(một)* cây máy tính (CPU) màu đen, nhãn hiệu DELUX đã qua sử dụng và 01 *(một)* Camera, hai râu, màu trắng, phía sau có chữ: ID:16197199, password: 123, AQC2 1810R do Phan Văn V tự nguyện giao nộp khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Văn V và tổng số tiền 6.500.000 đồng (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) thu giữ khi bắt quả tang (trong đó số tiền của Phan Văn V là 1.020.000 đồng; số tiền của Hà Văn T là 470.000 đồng (là tiền lãi Thức đem đến để trả hộ cho vợ là Hoàng Thị Thảo B); quá trình điều tra đã xác định những vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội và xác định số tiền đã thu giữ là tiền hợp pháp của các cá nhân, nhưng trong vụ án này bị cáo V và người liên quan Hoàng Thị Thảo B còn phải nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền liên quan đến tội phạm, nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 *(một)* điện thoại IPHONE 6S của Nguyễn Văn T xét thấy không liên quan đến vụ án nhưng cũng cần phải tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Riêng số tiền đã thu giữ của Đỗ Ngọc T là 5.010.000 đồng (do đã trả hết số tiền gốc đã vay cho bị cáo Phan Văn V) nên được trả lại theo quy định của pháp luật.

[6.3] Đối với số tiền gốc Phan Văn V và Nguyễn Văn T dùng để cho vay trong vụ án này là 90.000.000 đồng và số tiền gốc Phan Văn V tự cho vay là 314.000.000 đồng, tổng cộng là 404.000.000 đồng. Tại thời điểm phát hiện hành vi phạm tội, những người vay đã trả số tiền gốc cho Phan Văn V là 190.000.000 đồng và khoản lãi tính theo quy định với mức lãi suất 20 %/năm là 23.189.590 đồng. Hội đồng xét xử xác định số tiền gốc nêu trên là phương tiện phạm tội, còn khoản tiền lãi theo quy định với mức lãi suất 20 %/năm tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng vì đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Do đó, cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước tổng hai khoản tiền nêu trên là 213.189.590 đồng *(Hai trăm mười ba triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi đồng)*. Tuy nhiên, trong vụ án này Phan Văn V đã trả công cho T là 35.000.000 đồng từ khoản tiền do thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên cần buộc Nguyễn Văn T phải nộp vào ngân sách nhà nước; số tiền còn lại buộc Phan Văn V phải nộp vào ngân sách nhà nước là 178.189.590 đồng

[6.4] Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả đủ cho bị cáo với tổng số tiền là 214.000.000 đồng *(Năm trăm mười bốn triệu đồng),* cần buộc người vay phải nộp để sung vào ngân sách nhà nước gồm những ông, bà sau: Bà Hà Thị Thúy nộp 20.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H nộp 44.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T nộp 10.000.000 đồng; ông Hoàng Trọng D nộp 16.000.000 đồng; bà Hoàng Thị X nộp 15.000.000 đồng; bà Hoàng Thị Thảo B nộp 8.000.000 đồng; bà Thàm Thị L nộp 10.000.000 đồng; bà Hoàng Thị H nộp 1.000.000 đồng; ông Phùng Mạnh T nộp 10.000.000 đồng; ông Trần Quang L nộp 10.000.000 đồng; ông Hoàng Văn H nộp 4.000.000 đồng; ông Hoàng Văn V nộp 6.000.000 đồng; ông Nguyễn Quang T nộp 8.000.000 đồng; ông Nguyễn Hữu N nộp 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn T nộp 20.000.000 đồng; bà Hoàng Ánh Q nộp 12.000.000 đồng.

[6.5] Đối với khoản tiền thu lời bất chính mà bị cáo đã thu của người vay vượt mức lãi suất quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thì không có hiệu lực. Do đó, khoản tiền mà bị cáo đã thu lời bất chính của người vay trong vụ án này là 211.740.410 đồng *(Hai trăm mười một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm mười đồng)*, buộc bị cáo Phan Văn V phải trả lại cho người vay, gồm những ông, bà sau đây: Bà Hà Thị Thúy là 19.246.575 đồng; bà Nguyễn Thị H là 29.607.945 đồng; bà Nguyễn Thị T là 10.106.849 đồng; ông Hoàng Trọng D là 7.991.781 đồng; bà Hoàng Thị X là 13.626.712 đồng; bà Hoàng Thị Thảo B là 4.773.425 đồng; bà Thàm Thị L là 7.579.452 đồng; Hoàng Thị H là 1.422.192 đồng; ông Đỗ Ngọc T là 15.496.576 đồng; ông Phùng Mạnh T là 8.717.808 đồng; ông Trần Quang L là 9.680.822 đồng; ông Mạc Đình N là 5.806.849 đồng; bà Lê Thị H là 46.156.438 đồng; ông Hà Anh T là 3.785.754 đồng; ông Hoàng Văn H là 516.164 đồng; ông Hoàng Văn V là 390.411 đồng; ông Nguyễn Quang T là 3.647.671 đồng; ông Nguyễn Hữu N là 4.513.013 đồng;

ông Nguyễn Văn T là 16.367.809 đồng; ông Lò Xuân Đ là 970.548 đồng; bà Hoàng Ánh Q là 1.335.616 đồng;

[7] Về án phí: Bị cáo Phan Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.587.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí bị cáo V phải chịu là 10.787.000 đồng *(Mười triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng)*. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. T bố các bị cáo Phan Văn V, Nguyễn Văn T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn V 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 17/7/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 36, 17, 58, của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo T cho chính quyền địa phương cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Xử:

3.1- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại IPHONE 5 và 01 (một) điện thoại IPHONE 6S PLUS của Phan Văn V

3.2- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) túi sách giả da màu đen, nhãn hiệu MEIDIGE; 01 (một) túi giả da màu nâu có hoa văn và chữ VL; 01 (một) ví giả da màu đen có gắn 01 tấm kim loại có dòng chữ Arsenal; 03 (ba) bút bi các loại; 01 (một) bút xóa; 02 (hai) chiếc gậy rút ba khúc; 04 (bốn) quyển sổ các loại bên trong những trang giấy không ghi chữ, số hay ký tự gì; 04 (bốn) mẫu hợp đồng cầm đồ, 02 *(hai)* giấy vay tiền, 02 giấy mượn xe; 02 giấy bán, cho, tặng xe chưa điền đầy đủ nội dung, chưa ký; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu, chủ hộ là Hoàng Thị N, sinh năm 1963, trú tại thôn Vĩnh Đông, Xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu số 640212141 của Hoàng Thị T, sinh năm 1976, trú tại thôn 10, Xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu số

640002640 mang tên Lý Văn H, sinh năm 1975, trú tại thôn 10, Xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; 01 (một) bản pho to sổ hộ khẩu số 90 của Đỗ Hải H, sinh năm 1988, cư trú tại Thôn B, Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân số 061055255 mang tên Lý Tuấn A; 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân số 073195621 mang tên Đỗ Hải H;

3.3- Trả lại tài sản và các loại giấy tờ sau đây cho các ông, bà gồm:

- Trả lại 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA cho ông Hà Văn T, trú tại thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang

- Trả lại 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL cho Lù Xuân D, trú tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Giang.

- Trả lại số tiền 5.010.000 đồng *(Năm triệu không trăm mười nghìn đồng)* cho ông Đỗ Ngọc T trú tại thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang .

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073241927 mang tên Vàng Văn T, sinh năm 1982, trú tại: Xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang;

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073469749 mang tên Đỗ Khánh L, sinh năm 1998, trú tại: thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang;

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073475949 mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1996, trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang;

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 061132349 tên Hà Minh V, sinh năm 1996, trú tại: Xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073247699 tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1991, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073438616 của Sầm Văn T, sinh năm 1996, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073195642 của Bùi Văn C, sinh năm 1983, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073467655 của Đỗ Thanh T, sinh năm 1996, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073375034 của Hoàng Quang C, sinh năm 1994, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 061090647 của Phạm Văn C, sinh năm 1999, trú tại: Xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 061038520 của Hoàng Trọng V, sinh năm 1997, trú tại: Xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 060948356 của Sầm Văn T, sinh năm 1993, trú tại: Xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân, số 061070126, của Nguyễn Văn T, sinh năm 1996, trú tại: Xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân không rõ số của Nghiêm Văn T, sinh năm 1993, trú tại Xã M, huyện L.

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073247662 của Nguyễn Quang T, sinh năm 1991, trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073382840 của Nguyễn Thị T, sinh năm 1964, trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân không rõ số của Thàm Thị L, sinh năm 1973, HKTT tại: Vĩnh Phúc, Bắc Quang, Hà Giang;

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073149166 của Trần Quang L, sinh năm 1985, trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073248052 của Hoàng Văn H, sinh năm 1991, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân không rõ số của Lê Thị H, sinh năm 1991, HKTT tại xã V, huyện B, Hà Giang

- 01 (một) Chứng minh thư nhân dân số 073202667 của Hoàng Văn V, sinh năm 1982, trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Giấy phép lái xe số 250198003666 mang tên Phan Văn V, sinh năm 1995, tạm trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Giấy phép lái xe số 250198003666 mang tên Phan Văn V, sinh năm 1995, tạm trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Đăng ký xe mô tô số: 019002, mang tên Phan Văn V, sinh năm: 1995, tạm trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Giấy phép lái xe, số 240173013807 của Nghiêm Văn T, sinh năm 1993, trú tại: Xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái;

- 01 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số 012399 của Hoàng Thị T, trú tại: Thôn N, Xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái

- 01 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số 001062 của Hoàng Xuân V, sinh năm 1973, trú tại: Xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số 002851 của Nguyễn Văn L, sinh năm 1954, trú tại: Xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số 0013654 của Đặng Văn T, sinh năm 1973, trú tại: N, thị xã H, tỉnh Hà Giang

- 01 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số 000735 của Tăng Văn Đ, trú tại: Thôn N, xã L, huyện Y, Yên Bái

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C 306517 của Hà Văn T, trú tại: Thôn Q, Xã V, huyện B

- 01 (một) Giấy ủy nhiệm ngày 10/8/2000 của Hà Văn T, trú tại: Thôn Q, Xã V, huyện B

- 01 (một) Sổ hộ khẩu số 220060066 của Hoàng Văn V, sinh năm 1982, trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang

3.4- Tạm giữ các tài sản của các chủ sở hữu sau đây để đảm bảo cho việc thi hành án gồm:

- 01 *(một)* cây máy tính (CPU) màu đen, nhãn hiệu DELUX đã qua sử dụng và 01 *(một)* Camera, hai râu, màu trắng, phía sau có chữ: ID:16197199, password: 123, AQC2 1810R và 1.020.000 đồng *(một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)* của bị cáo Phan Văn V

- 470.000 đồng *(Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)* của Hoàng Thị Thảo B

- 01 *(một)* điện thoại IPHONE 6S của bị cáo Nguyễn Văn T

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản và biên lai thu tiền số 03550 ngày 27/11/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang).

3.5- Buộc bị cáo Phan Văn V phải nộp số tiền là 178.189.590 đồng *(Một trăm bảy mươi tám triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước;

- Buộc Nguyễn Văn T phải nộp số tiền là 35.000.000 đồng *(ba mươi lăm triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

3.6- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền gốc chưa trả đủ cho bị cáo là 214.000.000 đồng *(Năm trăm mười bốn triệu đồng),* để sung vào ngân sách nhà nước gồm những ông, bà sau:

- Bà Hà Thị Thúy nộp 20.000.000 đồng;

- Bà Nguyễn Thị H nộp 44.000.000 đồng;

- Bà Nguyễn Thị T nộp 10.000.000 đồng;

- Ông Hoàng Trọng D nộp 16.000.000 đồng;

- Bà Hoàng Thị X nộp 15.000.000 đồng;

- Bà Hoàng Thị Thảo B nộp 8.000.000 đồng;

- Bà Thàm Thị L nộp 10.000.000 đồng;

- Bà Hoàng Thị H nộp 1.000.000 đồng;

- Ông Phùng Mạnh T nộp 10.000.000 đồng;

- Ông Trần Quang L nộp 10.000.000 đồng;

- Ông Hoàng Văn H nộp 4.000.000 đồng;

- Ông Hoàng Văn Vnộp 6.000.000 đồng;

- Ông Nguyễn Quang T nộp 8.000.000 đồng;

- Ông Nguyễn Hữu N nộp 20.000.000 đồng;

- Ông Nguyễn Văn T nộp 20.000.000 đồng;

- Bà Hoàng Ánh Q nộp 12.000.000 đồng.

3.7- Buộc bị cáo Phan Văn V phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền thu lời bất chính là là 211.740.410 đồng *(Hai trăm mười một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm mười đồng)*, gồm những ông, bà sau đây:

- Bà Hà Thị Thúy là 19.246.575 đồng;
- Bà Nguyễn Thị H là 29.607.945 đồng;
- Bà Nguyễn Thị T là 10.106.849 đồng;
- Ông Hoàng Trọng D là 7.991.781 đồng;
- Bà Hoàng Thị X là 13.626.712 đồng;
- Bà Hoàng Thị Thảo B là 4.773.425 đồng;
- Bà Thàm Thị L là 7.579.452 đồng;
- Bà Hoàng Thị H là 1.422.192.000 đồng;
- Ông Đỗ Ngọc T là 15.496.576 đồng;
- Ông Phùng Mạnh T là 8.717.808 đồng;
- Ông Trần Quang L là 9.680.822 đồng;
- Ông Mạc Đình N là 5.806.849 đồng;
- Bà Lê Thị H là 46.156.438 đồng;
- Ông Hà Anh T là 3.785.754 đồng;
- Ông Hoàng Văn H là 516.164 đồng;
- Ông Hoàng Văn V là 390.411 đồng;
- Ông Nguyễn Quang T là 3.647.671 đồng;
- Ông Nguyễn Hữu N là 4.513.013 đồng;
- Ông Nguyễn Văn T là 16.367.809 đồng;
- Ông Lò Xuân Đ là 970.548 đồng
- Bà Hoàng Ánh Q là 1.335.616 đồng;

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thì hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phan Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.587.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí bị cáo phải chịu là 10.787.000 đồng *(Mười triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng)*.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang ;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Thị Tư